

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14KTR

TÊN HỌC PHẦN: CƠ SỞ VẬT LÝ KIẾN TRÚC 2

HỌC KỲ 6

MÃ HỌC PHẦN: PHY - 307

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 31/03/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
1	112230500	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	K14KTR1	0	0	0						HP	0.0	Khăng			
2	122230592	LÊ NGỌC KHÁNH	K14KTR1	9	7	8.5						5	6.5	Sầu pháy Nàm			
3	122230605	LÊ HỮU MÃN	K14KTR1	0	0	0						HP	0.0	Khăng			
4	132234804	NGUYỄN ĐỨC ANH	K14KTR1	0	0	0						HP	0.0	Khăng			
5	132234818	PHAN ANH ĐÀO	K14KTR1	7	7	6.5						3	0.0	Khăng			
6	132234860	MAI KHÁNH KỶ	K14KTR1	0	0	0						HP	0.0	Khăng			
7	132234893	NGUYỄN QUANG SÁNG	K14KTR1	5	5	7.5						5	5.6	Nàm pháy Sầu			
8	132234899	HOÀNG CHIẾN THẮNG	K14KTR1	5	5	8.5						6	6.4	Sầu pháy Bấu			
9	132234933	TRỊNH HỒNG TUẤN	K14KTR1	0	0	0						HP	0.0	Khăng			
10	132234952	TRẦN MINH THẮNG	K14KTR1	1	1	8						3.5	0.0	Khăng			
11	142231377	KIỀU HUỖNH HẠNH CHÂU	K14KTR1	2	3	0						0	0.0	Khăng			
12	142231379	NGUYỄN VĂN CHÍNH	K14KTR1	8	6.5	4						8.5	7.1	Báy pháy Mất			
13	142231384	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	K14KTR1	4	4	6						3	0.0	Khăng			
14	142231389	HOÀNG QUANG DƯƠNG	K14KTR1	8	7	9						4.5	6.2	Sầu pháy Hai			
15	142231391	LÊ TÚ LINH GIANG	K14KTR1	10	9.5	7.5						6	7.1	Báy pháy Mất			
16	142231396	NGUYỄN MẬU HOÀNG	K14KTR1	9	6.5	4						6.5	6.1	Sầu pháy Mất			
17	142231398	NGUYỄN KHÁNH HƯNG	K14KTR1	8	5	4						7	6.2	Sầu pháy Hai			
18	142231400	NGUYỄN ĐÌNH HUY	K14KTR1	4	5	8.5						4.5	5.5	Nàm pháy Nàm			
19	142231405	ĐÌNH NGỌC LAM	K14KTR1	8	7	8						8	7.9	Báy pháy Chên			
20	142231406	PHAN THỊ MỸ LINH	K14KTR1	10	10	7.5						9	8.8	Tằm pháy Tằm			
21	142231414	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	K14KTR1	10	9.5	7						6	7.0	Báy			
22	142231417	NGUYỄN CÔNG NGÀ	K14KTR1	9	9	4						5.5	5.8	Nàm pháy Tằm			
23	142231421	HỒ THỊ TUYẾT NHI	K14KTR1	8	10	7						10	9.1	Chên pháy Mất			
24	142231425	THÂN TRỌNG PHONG	K14KTR1	8	6	7						4.5	5.6	Nàm pháy Sầu			
25	142231429	VŨ TRỌNG QUÝ	K14KTR1	1	0	0						HP	0.0	Khăng			
26	142231431	NGÔ QUANG TÂM	K14KTR1	10	9.5	8.5						6.5	7.7	Báy pháy Báy			
27	142231434	NGUYỄN QUANG THÁI	K14KTR1	10	8	6						6	6.6	Sầu pháy Sầu			
28	142231440	NGUYỄN THANH THIÊN	K14KTR1	5	5	8.5						7	7.0	Báy			
29	142231442	NGUYỄN KIM THỊNH	K14KTR1	6	5.5	6						3.5	0.0	Khăng			
30	142231448	HOÀNG TRỊ	K14KTR1	8	7	7						5	6.0	Sầu			
31	142231451	NGUYỄN ĐỨC ANH TRUNG	K14KTR1	7	7	8						3	0.0	Khăng			
32	142231454	ĐỖ ANH TUẤN	K14KTR1	4	5.5	7						3.5	0.0	Khăng			
33	142231463	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	K14KTR1	2	2	0						HP	0.0	Khăng			
34	142234502	NGUYỄN VĂN QUỐC ÂN	K14KTR1	7	7	7						6	6.5	Sầu pháy Nàm			
35	142234511	HUỖNH CÔNG KHÁNH	K14KTR1	9	6	6						3.5	0.0	Khăng			
36	142234512	LÊ HOÀNG LONG	K14KTR1	4	5	6						V	0.0	Khăng			
37	142234513	ĐẶNG VŨ BÁ MINH	K14KTR1	10	9	4						2.5	0.0	Khăng			
38	142234518	PHAN VĂN THÁI TRUNG	K14KTR1	9	6.5	0						6.5	5.1	Nàm pháy Mất			
39	142234540	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	K14KTR1	8	6.5	7						4.5	5.7	Nàm pháy Báy			
40	142234550	NGUYỄN NGỌC TUẤN	K14KTR1	9	8.5	7						5	6.3	Sầu pháy Ba			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14KTR

TÊN HỌC PHẦN: CƠ SỞ VẬT LÝ KIẾN TRÚC 2

HỌC KỲ 6

MÃ HỌC PHẦN : PHY - 307

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 31/03/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
41	142234582	HOÀNG	HẢI	K14KTR1	10	8.5	7						8	8.0	Tầm		
42	142234585	PHẠM QUANG	HUY	K14KTR1	9	8.5	7						3	0.0	Khăng		
43	142234598	NGUYỄN THỊ	THU	K14KTR1	9	9	8						6.5	7.4	Báý pháý Bắú		
44	142234867	MAI THỊ HỒNG	QUYÊN	K14KTR1	8	7	7						9	8.2	Tầm pháý Hai		
45	112260530	DUƠNG QUANG	HUY	K14KTR2	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
46	122230591	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	K14KTR2	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
47	132234807	PHAN NGUYỄN	ANH	K14KTR2	8	9	7						10	9.0	Chên		
48	132234824	PHẠM XUÂN	ĐỨC	K14KTR2	9	9	8						6	7.1	Báý pháý Mắú		
49	132234841	VÕ VĂN	HẠNH	K14KTR2	0	0	0						3.5	0.0	Khăng		
50	132234846	NGUYỄN NGỌC	HÒA	K14KTR2	7	3	8						HP	0.0	Khăng		
51	132234880	HUỖNH NGỌC	NHÂN	K14KTR2	7	5	8						2.5	0.0	Khăng		
52	132234884	CHU VĂN	PHƯỚC	K14KTR2	9	6.5	8						4	5.8	Nằ́m pháý Tằ́m		
53	132234907	LÊ HỒNG	THÀNH	K14KTR2	4	3	8						3.5	0.0	Khăng		
54	132234938	PHẠM	VĂN	K14KTR2	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
55	132234946	KIỀU XUÂN	CƯỜNG	K14KTR2	4	5	9						3	0.0	Khăng		
56	142231376	HUỖNH VŨ	CA	K14KTR2	9	8	9						5	6.7	Sằ́u pháý Báý		
57	142231378	TRẦN THỊ QUỖNH	CHÂU	K14KTR2	5	4.5	5						6.5	5.8	Nằ́m pháý Tằ́m		
58	142231385	TRẦN PHAN MINH	ĐỨC	K14KTR2	9	8	9						5	6.7	Sằ́u pháý Báý		
59	142231402	NGUYỄN HOÀNG LONG	KHÁNH	K14KTR2	9	7	9						5.5	6.9	Sằ́u pháý Chên		
60	142231404	TRƯƠNG NGUYỄN ANH	KHOA	K14KTR2	3	4	0						3	0.0	Khăng		
61	142231409	BÙI ĐÌNH	LỢI	K14KTR2	9	10	8						7	7.8	Báý pháý Tằ́m		
62	142231412	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	K14KTR2	10	10	9						10	9.8	Chên pháý Tằ́m		
63	142231415	NGUYỄN TRỌNG THẠNH	NAM	K14KTR2	9	9	9						3	0.0	Khăng		
64	142231419	TRẦN XUÂN	NGHĨA	K14KTR2	8	6.5	9						3.5	0.0	Khăng		
65	142231420	HOÀNG NGỌC TUẤN	NHÂN	K14KTR2	5	5	0						3.5	0.0	Khăng		
66	142231432	NGUYỄN NHẬT	TÂN	K14KTR2	2	3	8						2	0.0	Khăng		
67	142231444	TRẦN CÔNG	THỦ	K14KTR2	10	10	9						7.5	8.4	Tằ́m pháý Bắú		
68	142231446	TRƯƠNG LÊ	TOÀN	K14KTR2	10	9	9						6.5	7.7	Báý pháý Báý		
69	142231452	NGUYỄN HIỀN	TRUNG	K14KTR2	7	7	8						5.5	6.4	Sằ́u pháý Bắú		
70	142231455	LÊ NGỌC	TUẤN	K14KTR2	7	5	8						6	6.5	Sằ́u pháý Nằ́m		
71	142231457	BÙI SƠN	TÙNG	K14KTR2	9	9	9						7.5	8.2	Tằ́m pháý Hai		
72	142231460	PHAN PHƯỚC	TƯỜNG	K14KTR2	8	6.5	8						5	6.2	Sằ́u pháý Hai		
73	142231471	VÕ ĐẠI	VINH	K14KTR2	8	6	8						3.5	0.0	Khăng		
74	142233206	PHAN NGỌC TÚ	QUỖNH	K14KTR2	10	9	8						3.5	0.0	Khăng		
75	142234504	NGUYỄN ĐỨC	CÔNG	K14KTR2	4	2.5	8						3.5	0.0	Khăng		
76	142234505	HUỖNH THỊ	DIỄM	K14KTR2	10	9	9						8.5	8.8	Tằ́m pháý Tằ́m		
77	142234506	PHAN THÁI	DUƠNG	K14KTR2	9	9	5						4.5	5.5	Nằ́m pháý Nằ́m		
78	142234509	TRẦN THỊ KIM	HƯỜNG	K14KTR2	10	9	8						6	7.2	Báý pháý Hai		
79	142234546	VÕ ĐỖ HỒNG	QUÂN	K14KTR2	10	9	8						6.5	7.5	Báý pháý Nằ́m		
80	142234548	LÊ VĂN	TOÀN	K14KTR2	9	7	9						5	6.6	Sằ́u pháý Sằ́u		
81	142234580	LÊ QUỐC	ÂN	K14KTR2	9	8	8						9	8.7	Tằ́m pháý Báý		
82	142234587	LÊ TRỌNG	LONG	K14KTR2	9	8.5	8						1.5	0.0	Khăng		
83	142234590	DIỆP CÔNG	NO	K14KTR2	9	9.5	8						3.5	0.0	Khăng		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14KTR

TÊN HỌC PHẦN: CƠ SỞ VẬT LÝ KIẾN TRÚC 2

HỌC KỲ 6

MÃ HỌC PHẦN : PHY - 307

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 31/03/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
84	142234592	PHẠM NGỌC	QUYẾT	K14KTR2	8	7	9						3.5	0.0	Khăng		
85	142234600	TRƯƠNG VĂN	VƯƠNG	K14KTR2	9	7	8						6.5	7.2	Báý pháy Hai		
86	142234645	HỒ HOÀI	LINH	K14KTR2	8	7	0						0	0.0	Khăng		
87	142234646	HÀ THỊ TRÀ	MY	K14KTR2	8	9	9						6.5	7.5	Báý pháy Năm		
88	142234650	TRẦN ĐÌNH	VŨ	K14KTR2	10	9.5	9						9.5	9.4	Chèn pháy Bấu		
89	142234799	PHAN VĂN	THẮNG	K14KTR2	10	8	8						7	7.7	Báý pháy Báý		
90	111260534	VÕ QUỐC	HUY	K14KTR3	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
91	122230640	NGUYỄN TẤN	TÀI	K14KTR3	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
92	132234902	NGUYỄN VĂN	THẮNG	K14KTR3	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
93	132234928	LƯƠNG VI	TRUNG	K14KTR3	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
94	142231374	PHAN ĐỨC	ANH	K14KTR3	10	8	8						8.5	8.5	Tăm pháy Năm		
95	142231380	ĐẶNG HỮU	CUÔNG	K14KTR3	10	10	8						7	7.9	Báý pháy Chèn		
96	142231382	HUỖNH VĂN	DỰ	K14KTR3	9	9.5	6						9	8.3	Tăm pháy Ba		
97	142231387	ĐÌNH ANH	DŨNG	K14KTR3	10	9.5	8						7.5	8.1	Tăm pháy Mất		
98	142231394	LÊ NGUYỄN VĂN	HAPPY	K14KTR3	7	9	8						8	8.0	Tăm		
99	142231403	TRẦN ĐÌNH VŨ	KHÁNH	K14KTR3	10	9	8						8	8.3	Tăm pháy Ba		
100	142231410	CAO NGỌC	LONG	K14KTR3	8	8	6						7.5	7.2	Báý pháy Hai		
101	142231418	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	K14KTR3	10	8	8						8.5	8.5	Tăm pháy Năm		
102	142231426	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	K14KTR3	9	9	8						7.5	7.9	Báý pháy Chèn		
103	142231428	TRƯƠNG PHÚ	QUÍ	K14KTR3	9	9	8						8.5	8.5	Tăm pháy Năm		
104	142231430	TRẦN NGỌC	TÀI	K14KTR3	9	8	8						2.5	0.0	Khăng		
105	142231433	TRẦN PHI	THÀNH	K14KTR3	8	7	6						3.5	0.0	Khăng		
106	142231443	NGUYỄN VĂN	THƠ	K14KTR3	9	7.5	6						8	7.6	Báý pháy Sầu		
107	142231445	TRẦN ĐÌNH	TIẾN	K14KTR3	9	9	8						4.5	6.3	Sầu pháy Ba		
108	142231450	LÊ HOÀNG	TRỌNG	K14KTR3	10	9	6						10	8.9	Tăm pháy Chèn		
109	142231456	PHẠM VĂN	TUẤN	K14KTR3	9	8	7						8	7.9	Báý pháy Chèn		
110	142231458	LÊ CÔNG	TÙNG	K14KTR3	10	9	7						9.5	8.9	Tăm pháy Chèn		
111	142231461	NGUYỄN THỊ NHẬT	UYÊN	K14KTR3	10	9	8						8	8.3	Tăm pháy Ba		
112	142231462	LƯƠNG HÙNG	VƯƠNG	K14KTR3	8	7	6						5	5.8	Năm pháy Tăm		
113	142231467	ĐỖ HOÀNG	VƯƠNG	K14KTR3	9	8.5	7						8	7.9	Báý pháy Chèn		
114	142231469	NGUYỄN THỂ	KIÊN	K14KTR3	9	7	5						4.5	5.3	Năm pháy Ba		
115	142234503	PHAN THÀNH	TRUNG	K14KTR3	8	8.5	7						8	7.8	Báý pháy Tăm		
116	142234507	HUỖNH THỊ CẨM	HÀ	K14KTR3	10	9	8						7.5	8.0	Tăm		
117	142234514	TRẦN VĂN	NHỰT	K14KTR3	7	6.5	5						4.5	5.1	Năm pháy Mất		
118	142234517	PHAN HOÀNG	THIỆN	K14KTR3	9	6.5	7						4.5	5.8	Năm pháy Tăm		
119	142234539	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	K14KTR3	10	9.5	8						6.5	7.5	Báý pháy Năm		
120	142234542	NGUYỄN CÔNG	HOAN	K14KTR3	9	7.5	6						6.5	6.7	Sầu pháy Báý		
121	142234543	LÊ THỊ BÍCH	HUỆ	K14KTR3	9	9	8						9.5	9.0	Chèn		
122	142234544	TRẦN DUY	MẠNH	K14KTR3	8	7	6						8	7.4	Báý pháy Bấu		
123	142234581	ĐẶNG THỊ	ĐÀO	K14KTR3	9	8.5	8						8.5	8.4	Tăm pháy Bấu		
124	142234594	PHẠM THỊ DI	SA	K14KTR3	7	6.5	8						8	7.8	Báý pháy Tăm		
125	142234596	PHAN THỊ THU	THẢO	K14KTR3	7	7	8						7	7.3	Báý pháy Ba		
126	142234643	ĐÌNH NAM	CA	K14KTR3	9	8.5	8						8	8.2	Tăm pháy Hai		

Ngày thi: 31/03/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	25						55	100			
127	142234953	NGUYỄN NAM PHÁI	K14KTR3	4	5.5	6						7	6.3	Sau pháp Ba		
128	142234955	NGUYỄN ANH TUẤN	K14KTR3	7	7.5	5						9.5	7.9	Baý pháp Chên		
1	0684	LÊ ĐÌNH VÂN	K12KTR3	3	5	0						3.5	0.0	Khăng		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	84	65%	
2	Số sinh viên nợ	45	35%	
TỔNG CỘNG :		129	100%	

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 04 năm 2011

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Thị Lan Anh

Vưu Hữu Thạnh

ThS. Nguyễn Hữu Phú